

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định mức thu sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Các tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp nguồn nước từ các công trình thủy lợi hoặc hệ thống công trình thủy lợi do Nhà nước và nhân dân đầu tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi cho mục đích sản xuất nông nghiệp và các mục đích khác không phải sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Biện pháp tưới tiêu

Chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực và lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu.

Điều 3. Mức thu sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được thu bằng Việt Nam đồng, mức thu cụ thể như sau:

STT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đất trồng lúa	Đồng/ha/vụ	204.960
2	Đất trồng mạ, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày	Đồng/ha/vụ	81.984
3	Đất trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu	Đồng/ha/năm	163.968
4	Đất nuôi thủy sản	Đồng/m ² mặt thoáng/năm	125
5	Đất làm muối		2% giá trị muối thành phẩm

2. Đối tượng được miễn thu sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 41/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức cấp bù sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm cho các tổ chức, đơn vị liên quan theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng và lập dự toán cấp bù sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm cho các tổ chức, đơn vị theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các sở, ngành hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này và rà soát, tổng hợp diện tích miễn thu sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở tổ chức thực hiện.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định mức thu thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh ST;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo ST, Đài PTTH ST;
- Công báo tỉnh;
- HTĐT: phongkiemtravanban2012@gmail.com;
- Lưu: VT, KT, TH, XD. (54b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Hiếu